

Số: 327/TB-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 9 năm 2018

THÔNG BÁO

V/v chuẩn bị kỳ thi KTHP đợt 1 năm học 2018-2019

Kính gửi:

- Các lãnh đạo Khoa,
- Văn phòng Trường,
- Trung tâm Khảo thí.

Nhằm chuẩn bị tốt công tác tổ chức thi kết thúc học phần (KTHP) đợt 1 năm học 2018-2019, ngoài những công việc thường lệ theo Quy định 2192/QĐ-ĐHDT, Ban Giám hiệu đề nghị các đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Các suất thi KTHP tổ chức tại cơ sở Hòa Khánh Nam

- Đối với Suất thi **7h30 và 13h30**: Trung tâm Khảo thí giao đề cho Chủ trì thi tại điểm thi cơ sở Hòa Khánh Nam. Trường hợp 2 suất thi liên tục do một đơn vị chủ trì, Trung tâm Khảo thí sẽ giao đề cả 2 suất thi cho Chủ trì thi.

- Đối với suất thi **9h30 và 15h30**: Chủ trì thi nhận đề thi tại Trung tâm khảo thí (Tầng 12, 254 Nguyễn Văn Linh) vào đầu giờ buổi sáng và buổi chiều.

- Trung tâm Khảo thí căn cứ lịch thi do Phòng Đào tạo ĐH&SDH công bố, lên kế hoạch các buổi giao đề tại cơ sở Hòa Khánh Nam gửi cho Văn phòng Trường bố trí xe ô tô vận chuyển đề thi KTHP từ cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh đến cơ sở Hòa Khánh Nam đảm bảo giao đề an toàn và đúng giờ tổ chức thi.

Sau khi tổ chức thi xong, Chủ trì thi tự vận chuyển bài thi về Trung tâm Khảo thí.

- Đối với các điểm thi khác Chủ trì thi nhận đề thi tại Trung tâm khảo thí (Tầng 12, 254 Nguyễn Văn Linh) thời gian địa điểm như cũ.

2. Tiến độ chấm thi KTHP các môn thi trong đợt 1 năm học 2018-2019.

Do nhiều giảng viên giảng dạy trong và ngay sau tuần tổ chức thi KTHP nên trong đợt này, thời gian hoàn thành công tác chấm thi sẽ là hai tuần tính từ ngày thi

3. Sinh viên làm bài trên tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm” của trường

Các môn thi có kế hoạch cho sinh viên làm bài trên tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm” mẫu của trường (mẫu đính kèm) và chấm bằng máy quét Scantron tại Trung tâm Khảo thí, đề nghị:

Đ. Đối với Giảng viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy các môn này:

- Giới thiệu trước cho sinh viên hình thức thi, các nội dung trên tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm”; Hướng dẫn sinh viên tô đầy đủ và chính xác các ô chọn. Nếu ghi sai hoặc không đầy đủ, sinh viên phải chịu trách nhiệm;

- Khi dự thi sinh viên phải dùng bút chì từ 2B - 6B để tô ô chọn trên tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm”. Dùng tẩy (gôm) để xóa nếu bỏ lựa chọn. Cần tẩy nhẹ nhàng và thật sạch tránh làm rách giấy hoặc để lại vết bẩn. Không tô bằng bút bi, bút mực;

- Tại phần mã sinh viên: sinh viên tô **đầy đủ và chính xác** mã sinh viên của mình. Nếu mã sinh viên có 11 số, tính từ trái qua phải của dãy mã số sinh viên, bỏ chữ số đầu và tô 10 số còn lại.

- Nếu đề thi trắc nghiệm dưới 100 câu, sinh viên tô chọn các câu ở mặt trước (từ câu 1 đến 100), không tô ở mặt sau (từ câu 101 đến 200).

b. Đối với Chủ trì thi

Trước mỗi suất thi, **Chủ trì thi** phải nhắc nhở cán bộ coi thi (CBCT) hướng dẫn và kiểm tra sinh viên điền đầy đủ thông tin trên tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm”, bao gồm: Họ tên, Ngày sinh, Mã thí sinh, Giới tính, Phòng thi. Sau khi thu bài nếu thiếu thông tin nêu trên trong tờ “Phiếu trả lời trắc nghiệm” của sinh viên, Chủ trì thi sẽ chịu trách nhiệm.

4. Thời gian thực hiện: từ năm học 2018-2019

Đề nghị các đơn vị, cá nhân trong Trường triển khai thực hiện thông báo./.

* Nơi nhận:

- Các Khoa,
- Văn phòng Trường,
- Trung tâm Khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Thanh Hải

HƯỚNG DẪN

1. HỌ & TÊN LÓT:

- * Ghi đầy đủ **HỌ** và **TÊN LÓT** (nếu chỉ có một từ) vào đây ở trống ở trên và tô ô cho ký tự tương ứng ở dưới.
- * Giữa các từ có dấu cách hoặc khoảng trắng.
- * Nếu có hơn một từ cho tên lót thì viết tắt (các) ký tự đầu tiên của những từ ban đầu của tên lót và viết đầy đủ từ cuối cùng của tên lót ở ngay trước **TÊN**. Ví dụ: Lê Nguyễn Hoàng Phương Uyên sẽ là:

L	E	N	H	P	H	O	N	G
---	---	---	---	---	---	---	---	---

U	Y	E	N
---	---	---	---

2. TÊN:

- * Ghi và tô ô **TÊN** với duy nhất một từ, không chứa dấu cách hay khoảng trắng.

3. NGÀY SINH:

- * Ghi và tô ô ngày sinh theo thứ tự **NGÀY / THÁNG / NĂM** hay **DD - MM - YYYY**
- * Đối với những **NGÀY** hay **THÁNG** nhỏ hơn 10 thì phải ghi và tô ô số "0" vào trước

4. MÃ THÍ SINH:

- * Tùy loại mã nhận dạng mà ghi và tô ô.
- * Mã số Sinh viên DTU là một **đầy 10 số**.

5. GIỚI TÍNH:

- * Tô một trong hai ô, không được phép bỏ trống.

6. ĐỀ SỐ:

- * Không bắt buộc đối với mọi kỳ thi.
- * Tô ô (nếu bắt buộc) theo hướng dẫn của Giám thị.

7. PHÒNG THI:

- * Số đầu tiên biểu thị cho cơ sở thi/kiểm tra/khảo sát.
 - » Cơ sở DTU ở 182 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng: 1
 - » Cơ sở DTU ở 209 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng: 2
 - » Cơ sở DTU ở 21 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng: 3
 - » Cơ sở DTU ở K7/25 Quang Trung, Đà Nẵng: 4
 - » Cơ sở DTU ở Hòa Minh, Đà Nẵng: 5

- * Ô thứ hai, "B" biểu thị cho tầng hầm trong khi "0" là cho tầng trệt hoặc cao hơn.
- * Bốn số cuối biểu thị cho số phòng trong cơ sở. Nếu số phòng có ít hơn bốn chữ số thì thêm (các) số "0" vào đầu.

8. MÃ LỚP/NHÓM:

Hệ thống Mã lớp ở DTU:

- * Bốn ký tự đầu biểu thị cho Mã ngành, ví dụ: CS (Computer Science) hay MKT (Marketing). Nếu Mã ngành có ít hơn bốn ký tự thì bỏ trống những ô ở sau.
- * Bốn chữ số theo sau biểu thị cho số thứ tự môn trong ngành, cùng với bốn ký tự đầu sẽ tạo thành Mã môn, ví dụ CS 201. Nếu số thứ tự môn trong ngành chiếm ít hơn bốn chữ số thì thêm số "0" ở đầu, ví dụ CS 0201.
- * Ba ký tự sau và hai chữ số cuối tạo thành số thứ tự lớp cho cụm Mã môn ở trước. Cùng với cụm Mã môn, chúng tạo thành Mã lớp.

Ví dụ: Lớp Tin học Đại cương A1 là CS 101 A1, khi ghi và tô ô là:

C	S		0	1	0	1	A		0	1
---	---	--	---	---	---	---	---	--	---	---

9. PHẢN TRẢ LỜI:

- * Tô kín ô trả lời.
- * Không tô ra ngoài ô đã được phân.

Lưu ý: Nếu không theo các quy định, máy có thể bỏ qua không chấm ô trả lời.

101 - 150

1 A B C D E	117 A B C D E	134 A B C D E
2 A B C D E	118 A B C D E	135 A B C D E
3 A B C D E	119 A B C D E	136 A B C D E
4 A B C D E	120 A B C D E	137 A B C D E
5 A B C D E	121 A B C D E	138 A B C D E
6 A B C D E	122 A B C D E	139 A B C D E
7 A B C D E	123 A B C D E	140 A B C D E
8 A B C D E	124 A B C D E	141 A B C D E
9 A B C D E	125 A B C D E	142 A B C D E
0 A B C D E	126 A B C D E	143 A B C D E
1 A B C D E	127 A B C D E	144 A B C D E
2 A B C D E	128 A B C D E	145 A B C D E
3 A B C D E	129 A B C D E	146 A B C D E
4 A B C D E	130 A B C D E	147 A B C D E
5 A B C D E	131 A B C D E	148 A B C D E
6 A B C D E	132 A B C D E	149 A B C D E
	133 A B C D E	150 A B C D E

151 - 200

151 A B C D E	167 A B C D E	184 A B C D E
152 A B C D E	168 A B C D E	185 A B C D E
153 A B C D E	169 A B C D E	186 A B C D E
154 A B C D E	170 A B C D E	187 A B C D E
155 A B C D E	171 A B C D E	188 A B C D E
156 A B C D E	172 A B C D E	189 A B C D E
157 A B C D E	173 A B C D E	190 A B C D E
158 A B C D E	174 A B C D E	191 A B C D E
159 A B C D E	175 A B C D E	192 A B C D E
160 A B C D E	176 A B C D E	193 A B C D E
161 A B C D E	177 A B C D E	194 A B C D E
162 A B C D E	178 A B C D E	195 A B C D E
163 A B C D E	179 A B C D E	196 A B C D E
164 A B C D E	180 A B C D E	197 A B C D E
165 A B C D E	181 A B C D E	198 A B C D E
166 A B C D E	182 A B C D E	199 A B C D E
	183 A B C D E	200 A B C D E

Giám thị 1
(Ký tên & Ghi rõ Họ tên)

Giám thị 2
(Ký tên & Ghi rõ Họ tên)

Ghi chú: